

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HUỐNG HOÁ**

Số: 102 /TTr-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hướng Hoá, ngày 09 tháng 7 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

**Về việc phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc dự án 1, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (nguồn vốn: ngân sách địa phương)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Hướng Hóa  
Khóa XI, kỳ họp thứ 19

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc dự án 1 và tiểu dự án 1, dự án 4 của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương;

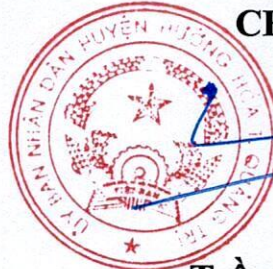
UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 (Nguồn vốn: Ngân sách địa phương đối ứng) theo các biểu chi tiết đính kèm.

UBND huyện kính đề nghị Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua. /s

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TCKH huyện;
- C, PVP, CV;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Bình Thuận**



**PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN DỰ ÁN 1**  
**CHƯƠNG TRÌNH MTOG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DTTS VÀ MN**  
**(NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)**

(Kèm theo Tờ trình số **102** /TTr-UBND ngày **09** /7/2024 của UBND huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Số hộ được hỗ trợ	Mức hỗ trợ (đồng/hộ)	Số vốn bố trí			Ghi chú
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
-	<b>Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước SH</b>				<b>1.244.000.000</b>	<b>622.000.000</b>	<b>622.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở</b>		<b>39</b>		<b>156.000.000</b>	<b>78.000.000</b>	<b>78.000.000</b>	
1	Hỗ trợ đất ở thị trấn Lao Bảo	UBND thị trấn Lao Bảo	2	4.000.000	8.000.000	4.000.000	4.000.000	
2	Hỗ trợ đất ở xã Lìa	UBND xã Lìa	36	4.000.000	144.000.000	72.000.000	72.000.000	
3	Hỗ trợ đất ở xã Hướng Phùng	UBND xã Hướng Phùng	1	4.000.000	4.000.000	2.000.000	2.000.000	
<b>II</b>	<b>Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở</b>		<b>272</b>		<b>1.088.000.000</b>	<b>544.000.000</b>	<b>544.000.000</b>	
1	Hỗ trợ nhà ở thị trấn Khe Sanh	UBND thị trấn Khe Sanh	9	4.000.000	36.000.000	18.000.000	18.000.000	
2	Hỗ trợ nhà ở thị trấn Lao Bảo	UBND thị trấn Lao Bảo	10	4.000.000	40.000.000	20.000.000	20.000.000	
3	Hỗ trợ nhà ở xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	2	4.000.000	8.000.000	4.000.000	4.000.000	
4	Hỗ trợ nhà ở xã Tân Long	UBND xã Tân Long	5	4.000.000	20.000.000	10.000.000	10.000.000	
5	Hỗ trợ nhà ở xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	5	4.000.000	20.000.000	10.000.000	10.000.000	
6	Hỗ trợ nhà ở xã Ba Tầng	UBND xã Ba Tầng	19	4.000.000	76.000.000	38.000.000	38.000.000	
7	Hỗ trợ nhà ở xã A Dơi	UBND xã A Dơi	31	4.000.000	124.000.000	62.000.000	62.000.000	
8	Hỗ trợ nhà ở xã Xy	UBND xã Xy	11	4.000.000	44.000.000	22.000.000	22.000.000	
9	Hỗ trợ nhà ở xã Lìa	UBND xã Lìa	31	4.000.000	124.000.000	62.000.000	62.000.000	
10	Hỗ trợ nhà ở xã Thanh	UBND xã Thanh	28	4.000.000	112.000.000	56.000.000	56.000.000	
11	Hỗ trợ nhà ở xã Thuận	UBND xã Thuận	7	4.000.000	28.000.000	14.000.000	14.000.000	
12	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Lộc	UBND xã Hướng Lộc	23	4.000.000	92.000.000	46.000.000	46.000.000	
13	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Tân	UBND xã Hướng Tân	3	4.000.000	12.000.000	6.000.000	6.000.000	
14	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Linh	UBND xã Hướng Linh	5	4.000.000	20.000.000	10.000.000	10.000.000	
15	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Phùng	UBND xã Hướng Phùng	14	4.000.000	56.000.000	28.000.000	28.000.000	
16	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Sơn	UBND xã Hướng Sơn	28	4.000.000	112.000.000	56.000.000	56.000.000	
17	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Việt	UBND xã Hướng Việt	11	4.000.000	44.000.000	22.000.000	22.000.000	
18	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Lập	UBND xã Hướng Lập	7	4.000.000	28.000.000	14.000.000	14.000.000	
19	Hỗ trợ nhà ở xã Húc	UBND xã Húc	23	4.000.000	92.000.000	46.000.000	46.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>311</b>		<b>1.244.000.000</b>	<b>622.000.000</b>	<b>622.000.000</b>	



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN HƯỚNG HÓA

Số: /NQ-HĐND  
(DỰ THẢO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hướng Hóa, ngày tháng 7 năm 2024

### NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc dự án 1, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (nguồn vốn: ngân sách địa phương)

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc dự án 1 và tiểu dự án 1, dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương;

Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 09/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa về việc phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào



*dân tộc thiểu số và miền núi (nguồn vốn: ngân sách địa phương); Báo cáo thẩm tra số 53/BC-HĐND ngày 19/7/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội, Báo cáo thẩm tra số 55/BC-HĐND ngày 19/7/2024 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phân bổ vốn đầu tư phát triển (Nguồn vốn: ngân sách địa phương) thực hiện dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo các biểu chi tiết đính kèm.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Khóa XI, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 26 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND các Ban HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức đoàn thể cấp huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Hồ Văn Vinh**



**PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN DỰ ÁN 1**  
**CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MN**  
**(NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /7/2024 của HĐND huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Số hộ được hỗ trợ	Mức hỗ trợ (đồng/hộ)	Số vốn bố trí			Ghi chú
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
-	<b>Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước SH</b>				<b>1.244.000.000</b>	<b>622.000.000</b>	<b>622.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở</b>		<b>39</b>		<b>156.000.000</b>	<b>78.000.000</b>	<b>78.000.000</b>	
1	Hỗ trợ đất ở thị trấn Lao Bảo	UBND thị trấn Lao Bảo	2	4.000.000	8.000.000	4.000.000	4.000.000	
2	Hỗ trợ đất ở xã Lìa	UBND xã Lìa	36	4.000.000	144.000.000	72.000.000	72.000.000	
3	Hỗ trợ đất ở xã Hướng Phùng	UBND xã Hướng Phùng	1	4.000.000	4.000.000	2.000.000	2.000.000	
<b>II</b>	<b>Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở</b>		<b>272</b>		<b>1.088.000.000</b>	<b>544.000.000</b>	<b>544.000.000</b>	
1	Hỗ trợ nhà ở thị trấn Khe Sanh	UBND thị trấn Khe Sanh	9	4.000.000	36.000.000	18.000.000	18.000.000	
2	Hỗ trợ nhà ở thị trấn Lao Bảo	UBND thị trấn Lao Bảo	10	4.000.000	40.000.000	20.000.000	20.000.000	
3	Hỗ trợ nhà ở xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	2	4.000.000	8.000.000	4.000.000	4.000.000	
4	Hỗ trợ nhà ở xã Tân Long	UBND xã Tân Long	5	4.000.000	20.000.000	10.000.000	10.000.000	
5	Hỗ trợ nhà ở xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	5	4.000.000	20.000.000	10.000.000	10.000.000	
6	Hỗ trợ nhà ở xã Ba Tầng	UBND xã Ba Tầng	19	4.000.000	76.000.000	38.000.000	38.000.000	
7	Hỗ trợ nhà ở xã A Dơi	UBND xã A Dơi	31	4.000.000	124.000.000	62.000.000	62.000.000	
8	Hỗ trợ nhà ở xã Xy	UBND xã Xy	11	4.000.000	44.000.000	22.000.000	22.000.000	
9	Hỗ trợ nhà ở xã Lìa	UBND xã Lìa	31	4.000.000	124.000.000	62.000.000	62.000.000	
10	Hỗ trợ nhà ở xã Thanh	UBND xã Thanh	28	4.000.000	112.000.000	56.000.000	56.000.000	
11	Hỗ trợ nhà ở xã Thuận	UBND xã Thuận	7	4.000.000	28.000.000	14.000.000	14.000.000	
12	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Lộc	UBND xã Hướng Lộc	23	4.000.000	92.000.000	46.000.000	46.000.000	
13	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Tân	UBND xã Hướng Tân	3	4.000.000	12.000.000	6.000.000	6.000.000	
14	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Linh	UBND xã Hướng Linh	5	4.000.000	20.000.000	10.000.000	10.000.000	
15	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Phùng	UBND xã Hướng Phùng	14	4.000.000	56.000.000	28.000.000	28.000.000	
16	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Sơn	UBND xã Hướng Sơn	28	4.000.000	112.000.000	56.000.000	56.000.000	
17	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Việt	UBND xã Hướng Việt	11	4.000.000	44.000.000	22.000.000	22.000.000	
18	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Lập	UBND xã Hướng Lập	7	4.000.000	28.000.000	14.000.000	14.000.000	
19	Hỗ trợ nhà ở xã Húc	UBND xã Húc	23	4.000.000	92.000.000	46.000.000	46.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>311</b>		<b>1.244.000.000</b>	<b>622.000.000</b>	<b>622.000.000</b>	